

**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 21

## CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên

#### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Bá Trí

Chủ tịch

Ngày 20 tháng 3 năm 2024



Số: 504HN-BCKT/2024/DFK-HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2024, từ trang 3 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0985-2023-042-1

**Lê Huy Bình**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4779-2024-042-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 3 năm 2024  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>141.290.334.875</b>	<b>568.114.482.227</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>20.735.910.063</b>	<b>72.116.932.493</b>
1. Tiền	111		20.735.910.063	72.116.932.493
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>52.686.622.303</b>	<b>237.560.400.587</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		47.338.517.357	244.293.826.739
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.694.263.686	22.670.550.820
3. Các khoản phải thu khác	136		3.747.159.114	11.935.775.941
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.093.317.854)	(41.339.752.913)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>49.264.618.240</b>	<b>241.225.137.517</b>
1. Hàng tồn kho	141		49.264.618.240	241.225.137.517
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>18.603.184.269</b>	<b>17.212.011.630</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		675.309.477	272.698.193
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.903.675.563	16.788.654.007
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		24.199.229	150.659.430
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>186.323.942.032</b>	<b>164.962.974.337</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>2.675.902.408</b>	<b>5.220.573.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.675.902.408	5.220.573.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>112.107.489.899</b>	<b>111.480.092.772</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	80.424.377.617	73.569.442.552
Nguyên giá	222		182.637.898.273	174.638.457.632
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.213.520.656)	(101.069.015.080)
2. Tài sản thuê tài chính	224	<b>7</b>	1.132.355.146	5.484.793.084
Nguyên giá	225		17.098.645.181	24.461.408.181
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.966.290.035)	(18.976.615.097)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	30.550.757.136	32.425.857.136
Nguyên giá	228		31.476.890.352	34.759.690.354
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(926.133.216)	(2.333.833.218)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>	<b>9</b>	-	<b>12.859.172.931</b>
Nguyên giá	241		-	12.859.172.931
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>14.554.388.842</b>	<b>7.532.733.400</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.554.388.842	7.532.733.400
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>55.079.762.398</b>	<b>25.208.568.661</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>10</b>	55.079.762.398	16.258.568.661
2. Đầu tư dài hạn khác	253	<b>11</b>	-	8.950.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>1.906.398.485</b>	<b>2.661.833.573</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.906.398.485	2.661.833.573
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>327.614.276.907</b>	<b>733.077.456.564</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>133.432.913.272</b>	<b>399.858.376.936</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.026.243.272</b>	<b>340.748.947.473</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		26.964.302.655	49.613.584.392
2. Người mua trả tiền trước	312		8.512.164.340	118.241.677.325
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	550.800.812	12.702.907.571
4. Phải trả công nhân viên	314		127.500.000	251.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.949.956.452	9.542.684.234
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		6.078.892.969	5.580.012.360
7. Vay ngắn hạn	320	13	10.918.674.060	123.389.848.187
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	-	6.164.719.800
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		10.923.951.984	15.262.513.604
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.406.670.000</b>	<b>59.109.429.463</b>
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		4.054.600.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		8.930.870.000	8.930.870.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	52.421.200.000	50.178.559.463
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>194.181.363.635</b>	<b>333.219.079.628</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>194.181.363.635</b>	<b>333.219.079.628</b>
1. Vốn điều lệ	411	16	111.767.570.000	159.667.160.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		111.767.570.000	159.667.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.048.776.000	10.854.834.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	20.762.582.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.894.735.588	22.404.110.807
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.680.155.786	8.290.974.111
6. Lợi nhuận chưa phân phối:	421		34.883.101.011	29.732.082.902
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.977.316.132	7.764.236.168
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.905.784.879	21.967.846.734
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	18	20.907.025.250	81.507.335.808
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>450</b>		<b>327.614.276.907</b>	<b>733.077.456.564</b>

PHAN QUANG VINH  
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2024



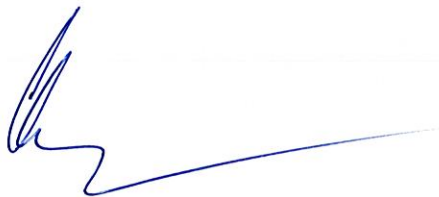
VÕ THỊ THANH TRÀ  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU B 02-DN/HN  
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu bán hàng	01		148.557.786.905	713.736.238.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	19	148.557.786.905	713.736.238.640
4. Giá vốn hàng bán	11	20	122.215.307.092	577.060.917.105
<b>5. Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>26.342.479.813</b>	<b>136.675.321.535</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	29.247.214.837	2.098.061.948
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	6.629.115.199	14.070.353.697
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.177.979.525</i>	<i>11.862.623.588</i>
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24	10	7.941.441.252	(325.665.074)
9. Chi phí bán hàng	25	23	1.217.246.997	18.963.279.006
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	32.729.845.951	63.236.969.001
<b>11. Lãi từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>22.954.927.755</b>	<b>42.177.116.705</b>
12. Thu nhập khác	31		10.905.139.036	1.746.443.777
13. Chi phí khác	32		-	938.044.481
14. Lợi nhuận khác	40		10.905.139.036	808.399.296
<b>15. Lãi kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>33.860.066.791</b>	<b>42.985.516.001</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.171.090.857	10.478.014.027
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
<b>18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>31.688.975.934</b>	<b>32.507.501.974</b>
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1 Cổ đông của Công ty	61		30.905.784.879	21.967.846.734
18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		783.191.055	10.539.655.240
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	26	<b>2.119</b>	<b>995</b>



PHAN QUANG VINH  
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2024



VÕ THỊ THANH TRÀ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG TRÍ HOLDING**

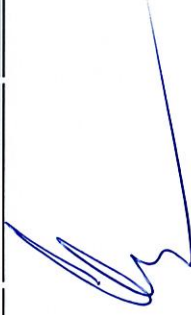
51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ khác VND	Quỹ đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông thiếu số VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	159.667.160.000	10.854.834.000	20.762.582.000	7.386.115.510	22.441.315.332	23.979.104.780	79.734.421.337	324.825.532.959
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	21.967.846.734	10.539.655.240	32.507.501.974
Trích quỹ	-	-	-	2.406.648.495	-	(2.406.648.495)	-	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(3.678.598.285)	(45.716.711)	(3.724.314.996)
Chi từ quỹ	-	-	-	(1.351.043.112)	-	-	-	(1.351.043.112)
Cổ tức	-	-	-	(150.746.782)	(37.204.525)	(11.176.701.200)	(8.176.500.468)	(19.333.201.668)
Giảm khác	-	-	-	(150.746.782)	(37.204.525)	1.047.079.368	(544.523.590)	314.604.471
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>159.667.160.000</b>	<b>10.854.834.000</b>	<b>20.762.582.000</b>	<b>8.290.974.111</b>	<b>22.404.110.807</b>	<b>29.732.082.902</b>	<b>81.507.335.808</b>	<b>333.219.079.628</b>
Tăng vốn trong năm	(47.899.590.000)	-	-	-	-	-	(36.816.898.000)	(84.716.488.000)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	30.905.784.879	783.191.055	31.688.975.934
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	(874.413.472)	-	-
Trích quỹ	-	-	-	874.413.472	-	(1.317.543.237)	-	(1.317.543.237)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	-	(690.000.000)
Chi từ quỹ	-	-	-	(690.000.000)	-	(11.176.701.200)	(1.742.072.443)	(12.918.773.643)
Cổ tức	-	(8.806.058.000)	(20.762.582.000)	(3.795.231.797)	(2.509.375.219)	(12.386.108.861)	(22.824.531.170)	(71.083.887.047)
Thoái vốn Hưng trí Cp	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>111.767.570.000</b>	<b>2.048.776.000</b>	<b>-</b>	<b>4.680.155.786</b>	<b>19.894.735.588</b>	<b>34.883.101.011</b>	<b>20.907.025.250</b>	<b>194.181.363.635</b>



**PHAN QUANG VINH**  
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2024





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Năm 2022

CHI TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>			
<b>1. Lãi trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>33.860.066.791</b>	<b>42.985.516.001</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.744.453.844	13.589.072.603
Các khoản dự phòng	03	(93.780.000)	849.646.228
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(666.979.372)	(733.392.666)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.527.950.733)	(84.498.552)
Chi phí lãi vay	06	6.177.979.525	11.862.623.588
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>36.493.790.055</b>	<b>68.468.967.202</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(33.067.409.214)	44.333.720.041
Thay đổi hàng tồn kho	10	19.367.590.564	(47.444.198.719)
Thay đổi các khoản phải trả	11	20.540.809.848	(8.663.262.090)
Thay đổi chi phí trả trước	12	38.880.996	1.465.538.560
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.236.817.474)	(13.167.272.624)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.980.184.665)	(5.626.878.418)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	3.140.370.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.485.231.797)	(1.501.789.894)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>29.671.428.313</b>	<b>41.005.194.058</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(29.765.568.868)	(8.641.175.385)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	7.500.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.500.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	14.318.027.450	84.498.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(16.447.541.418)</b>	<b>(8.556.676.833)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(47.899.590.000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.194.853.468	199.415.254.469
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.705.554.281)	(171.435.436.756)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.918.773.643)	(19.353.201.668)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(65.329.064.456)</b>	<b>8.626.616.045</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(52.105.177.561)</b>	<b>41.075.133.270</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>72.116.932.493</b>	<b>31.064.111.496</b>
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	724.155.131	(22.312.273)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>20.735.910.063</b>	<b>72.116.932.493</b>

PHAN QUANG VINH

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

VÕ THỊ THANH TRÀ  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding (gọi tắt là “Tập đoàn”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0314092636, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2016 và do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Sản xuất máy thông dụng khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Sửa chữa máy móc thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Tập đoàn có 5 công ty con và 8 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b.quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hoàng Tâm	58,60%	58,60%	Sản xuất thiết bị cơ điện lạnh
Công ty TNHH Thương Mại AC&R Việt Nam	98,75%	100%	Bán buôn máy móc, thiết bị
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	96,56%	100%	Dịch vụ cho thuê mặt bằng
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh Reecom	66,85%	66,85%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện lạnh Hưng Trí	70,00%	70,00%	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật

Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b.quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH IWATANI AC&R Việt Nam	35,00%	35,00%	Sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt
Công ty Cp Công nghiệp lạnh Hưng Trí	22,88%	22,88%	Lắp đặt hệ thống điều hoà
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	24,15%	24,15%	Sản xuất cửa kho lạnh
Công ty Cp Chế biến và Kho lạnh Hải Tâm	12,86%	12,86%	Dịch vụ kho lạnh
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	50,00%	50,00%	Thiết bị Inox
Công ty TNHH Hiệu suất XAERUS Việt Nam	30,00%	30,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Công ty TNHH Cách nhiệt Sài Gòn	25,00%	25,00%	Sản xuất tấm cách nhiệt, cách âm
Công ty TNHH Sài Gòn Polyurethanes	25,00%	25,00%	Sản xuất nhựa polyurethane nguyên sinh, sản xuất polyol các loại

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Năm tài chính:** Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tập đoàn và báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tập đoàn vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó. Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.074.738.041	1.748.125.513
Tiền gửi ngân hàng	19.661.172.022	70.368.806.980
VND	14.524.996.449	53.965.421.600
USD	5.136.175.573	16.403.385.380
	<u><b>20.735.910.063</b></u>	<u><b>72.116.932.493</b></u>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

		31/12/2023	01/01/2023
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	(1)	47.338.517.357	244.293.826.739
Trả trước cho người bán	(2)	4.694.263.686	22.670.550.820
Phải thu khác	(3)	3.747.159.114	11.935.775.941
		<u><b>55.779.940.157</b></u>	<u><b>278.900.153.500</b></u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn		(3.093.317.854)	(41.339.752.913)
		<u><b>52.686.622.303</b></u>	<u><b>237.560.400.587</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:</b>		
Công ty TNHH MEATDELI Hà Nội	-	49.148.095.106
Công ty CP ĐTPPT Đô thị Long Giang	-	14.716.772.715
Asahi Planning Office Inc	14.089.261.962	13.562.715.357
Công ty TNHH Bệnh viện Phương Nam	-	14.516.259.603
Công ty Cp Chế biến & Kho lạnh Hải Tâm	-	14.687.660.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Chất Lượng Vàng	8.412.146.458	8.412.146.458
Các khách hàng khác	24.837.108.937	129.250.177.500
	<b>47.338.517.357</b>	<b>244.293.826.739</b>
<b>(2) Các khoản trả trước cho người bán gồm:</b>		
	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Cách Âm Phương Nam	-	4.355.819.537
Công ty TNHH GEA Việt Nam	-	2.723.400.000
Công ty TNHH Thép Quốc Phong	894.000.000	-
Công ty Bitzer Kuehlmaschinenbau GMBH	1.721.178.536	-
Công ty TNHH MTV Mayekawa Việt Nam	-	6.600.204.000
Các khách hàng khác	2.079.085.150	8.991.127.283
	<b>4.694.263.686</b>	<b>22.670.550.820</b>
<b>(3) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:</b>		
	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tạm ứng	-	624.330.203
Ký cược, ký quỹ	-	4.233.680.934
Phải thu ngắn hạn khác (*)	3.747.159.114	7.077.764.804
	<b>3.747.159.114</b>	<b>11.935.775.941</b>
<b>(*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	-	4.630.050.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	3.000.000.000	-
Phải thu của các đối tượng khác	747.159.114	2.447.714.804
	<b>3.747.159.114</b>	<b>7.077.764.804</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MÃU B 09-DN/HN

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa & vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2023	146.185.990.164	17.215.249.730	8.297.549.622	2.939.668.116	174.638.457.632
Tăng	4.230.387.187	25.876.289.239	-	-	30.106.676.426
+ Mua trong năm	-	18.492.895.239	-	-	18.492.895.239
+ XDCB/Thuê tài chính chuyên sang	4.230.387.187	7.383.394.000	-	-	11.613.781.187
Thanh lý	(11.667.660.469)	(2.056.270.398)	-	-	(13.723.930.867)
Phân loại lại	(136.500.000)	-	(5.872.117.458)	(2.374.687.460)	(8.383.304.918)
Tại 31/12/2023	138.612.216.882	41.035.268.571	2.425.432.164	564.980.656	182.637.898.273

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại 01/01/2023	81.105.642.467	10.693.503.693	6.611.789.833	2.658.079.087	101.069.015.080
Khấu hao:	4.739.307.452	9.769.541.896	229.529.546	16.400.012	14.754.778.906
+ Trích trong năm	4.739.307.452	2.406.778.896	229.529.546	16.400.012	7.392.015.906
+ Tăng khác	-	7.362.763.000	-	-	7.362.763.000
Thanh lý	(5.308.294.617)	(1.125.559.533)	-	-	(6.433.854.150)
Phân loại lại	(11.375.000)	-	(5.033.956.829)	(2.131.087.351)	(7.176.419.180)
Tại 31/12/2023	80.525.280.302	19.337.486.056	1.807.362.550	543.391.748	102.213.520.656

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2023	<b>65.080.347.697</b>	<b>6.521.746.037</b>	<b>1.685.759.789</b>	<b>281.589.029</b>	<b>73.569.442.552</b>
Tại 31/12/2023	<b>58.086.936.580</b>	<b>21.697.782.515</b>	<b>618.069.614</b>	<b>21.588.908</b>	<b>80.424.377.617</b>

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 67.326.054.686 VND (31/12/2022: 9.860.643.437 VND)

Tập đoàn đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại:

- + 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay được trình bày ở Thuyết minh số 13 và khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận của Tập đoàn.
- + 315/7 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn được trình bày ở Thuyết minh số 13 tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.
- + 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay được trình bày ở Thuyết minh số 15 và khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>Máy móc</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VND</b>
Tại 01/01/2023	24.461.408.181
Chuyển qua TSCĐ	(7.362.763.000)
Tại 31/12/2023	<u>17.098.645.181</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại 01/01/2023	18.976.615.097
Khấu hao trong năm	4.352.437.938
Chuyển qua TSCĐ	(7.362.763.000)
Tại 31/12/2023	<u>15.966.290.035</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại 01/01/2023	<u><u>5.484.793.084</u></u>
Tại 31/12/2023	<u><u>1.132.355.146</u></u>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sd đất</b>	<b>B. quyền p. mềm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại 01/01/2023	32.425.857.136	2.333.833.218	34.759.690.354
Phân loại lại	(1.875.100.000)	(1.407.700.002)	(3.282.800.002)
Tại 31/12/2023	<u>30.550.757.136</u>	<u>926.133.216</u>	<u>31.476.890.352</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2023	-	2.333.833.218	2.333.833.218
Phân loại lại	-	(1.407.700.002)	(1.407.700.002)
Tại 31/12/2023	-	<u>926.133.216</u>	<u>926.133.216</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	<u>32.425.857.136</u>	-	<u>32.425.857.136</u>
Tại 31/12/2023	<u><u>30.550.757.136</u></u>	<u>-</u>	<u><u>30.550.757.136</u></u>

**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Nhà cửa &amp; vật kiến trúc</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại 01/01/2023	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
Phân loại lại	(11.591.561.785)	(1.267.611.146)	(12.859.172.931)
Tại 31/12/2023	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2023	-	-	-
Tại 31/12/2023	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	<u>11.591.561.785</u>	<u>1.267.611.146</u>	<u>12.859.172.931</u>
Tại 31/12/2023	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	-	1.347.817.515
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	28.511.461.708	-
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	1.863.188.790	1.503.342.814
Công ty Cổ phần Chế biến & Kho lạnh Hải Tâm (*)	7.875.000.000	7.875.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	7.130.111.900	4.332.408.332
Công ty TNHH Hiệu suất Xaerus Việt Nam (*)	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Cách Nhiệt Sài Gòn (*)	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Sài Gòn Polyurethanes (*)	2.500.000.000	-
	<b><u>55.079.762.398</u></b>	<b><u>16.258.568.661</u></b>

(\*) Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc do tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này chưa thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị này.

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí</b>		
<i>Giá trị đầu tư</i>	23.727.570.000	-
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	4.783.891.708	-
	<b><u>28.511.461.708</u></b>	<b><u>-</u></b>

Tổng tài sản	416.865.397.275	-
Tổng công nợ	292.278.015.481	-
Tài sản thuần	124.587.381.794	-
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<b><u>28.511.461.708</u></b>	<b><u>-</u></b>

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	556.808.039.147	-
Lợi nhuận thuần	20.904.313.812	-
<b>Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty</b>	<b><u>4.783.891.708</u></b>	<b><u>-</u></b>

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Iwatani AC&amp;R Việt Nam</b>		
<i>Giá trị đầu tư</i>	2.355.150.000	2.355.150.000
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	(491.961.210)	(851.807.186)
	<b><u>1.863.188.790</u></b>	<b><u>1.503.342.814</u></b>

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	5.652.682.863	7.752.102.675
Tổng công nợ	320.386.308	3.449.656.379
Tài sản thuần	5.332.296.555	4.302.446.296
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<b><u>1.863.188.790</u></b>	<b><u>1.503.342.814</u></b>

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	5.994.368.200	3.405.498.666
Lợi nhuận thuần	1.029.850.259	(983.466.672)
<b>Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty</b>	<b><u>359.845.976</u></b>	<b><u>(343.638.816)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm</b>		
<i>Giá trị đầu tư</i>	7.200.000.000	7.200.000.000
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	(69.888.100)	(2.867.591.668)
	<b>7.130.111.900</b>	<b>4.332.408.332</b>
	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	26.662.430.579	32.570.469.164
Tổng công nợ	13.236.156.813	23.905.652.499
Tài sản thuần	13.426.273.766	8.664.816.665
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<b>7.130.111.900</b>	<b>4.332.408.332</b>
	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	56.765.236.637	56.445.416.144
Lợi nhuận thuần	5.595.407.136	394.574.733
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<b>2.797.703.568</b>	<b>197.287.367</b>
<b>11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC</b>		
	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	-	8.950.000.000
	<b>-</b>	<b>8.950.000.000</b>
<b>12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>		
	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.432.538.005
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	471.068.947	9.998.508.669
Thuế Thu nhập cá nhân	79.731.865	156.230.848
Các loại thuế khác	-	115.630.049
	<b>550.800.812</b>	<b>12.702.907.571</b>
<b>13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>		
	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	4.290.832.757	59.218.594.587
BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	-	37.531.986.928
Vay các cá nhân	-	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.627.841.303	24.639.266.672
	<b>10.918.674.060</b>	<b>123.389.848.187</b>

Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận số 01/2023/1458165/HĐTD ký ngày 17/07/2023 của Công ty TNHH Hoàng Tâm với hạn mức là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Bất động sản gồm nhà và đất tại số 51 Trần Phú, Quận 5, TP.HCM.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**14. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Tập đoàn áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Tập đoàn về xác suất các sản phẩm lỗi.

**15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	2.254.000.000	4.508.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - ACB	-	49.372.263
Vay các cá nhân	50.167.200.000	45.621.187.200
	<b><u>52.421.200.000</u></b>	<b><u>50.178.559.463</u></b>

Tại ngày 28/6/2018, Tập đoàn đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận với hạn mức là 22.552.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán tiền mượn tạm từ cổ đông của công ty và thanh toán đợt cuối liên quan đến chi phí mua văn phòng làm việc tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Khoản vay dài hạn cá nhân là khoản công ty vay tín chấp của cán bộ công nhân viên công ty với thời hạn vay là 24 tháng và lãi suất từ 8,28% - 10,5%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.827.841.303	24.639.266.672
Trong năm thứ hai	52.421.200.000	47.924.559.463
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	2.254.000.000
Sau năm năm	-	-
	<b><u>55.249.041.303</u></b>	<b><u>74.817.826.135</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<b><u>(2.827.841.303)</u></b>	<b><u>(24.639.266.672)</u></b>
Số phải trả sau 12 tháng	<b><u>52.421.200.000</u></b>	<b><u>50.178.559.463</u></b>

**16. VỐN ĐIỀU LỆ**

Tại ngày 31/12/2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn thực góp			
	31/12/2023		31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Bá Trí	31.514.280.000	28,20	31.514.280.000	28,20	45.420.400.000	28,45
Ông Đặng Anh Tâm	13.521.520.000	12,10	13.521.520.000	12,10	19.316.450.000	12,10
Ông Bùi Quốc Hưng	17.743.460.000	15,88	17.743.460.000	15,88	25.347.800.000	15,88
Ông Fuco Rudyanto Chandra	11.120.130.000	9,95	11.120.130.000	9,95	15.885.900.000	9,95
Cổ đông khác	37.868.180.000	33,87	37.868.180.000	33,87	53.696.610.000	33,62
	<b><u>111.767.570.000</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>111.767.570.000</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>159.667.160.000</u></b>	<b><u>100</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.176.757	15.966.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.176.757	15.966.716
- Cổ phiếu phổ thông	11.176.757	15.966.716
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.176.757	15.966.716
- Cổ phiếu phổ thông	11.176.757	15.966.716
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

**18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong các công ty con của Tập đoàn. Tình hình biến động của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	81.507.335.808	79.734.421.337
Giảm Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	(36.816.898.000)	-
Lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát	783.191.055	10.539.655.240
Cổ tức đã chia cho các cổ đông không kiểm soát	(1.742.072.443)	(8.176.500.468)
Thoái vốn Hưng Trí Cổ phần	(22.824.531.170)	(590.240.301)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b><u>20.907.025.250</u></b>	<b><u>81.507.335.808</u></b>

**19. DOANH THU THUẦN**

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu công trình	9.390.077.566	114.208.039.660
- Doanh thu bán hàng hóa	125.122.823.920	589.147.043.825
- Doanh thu dịch vụ	14.044.885.419	10.381.155.155
	<b><u>148.557.786.905</u></b>	<b><u>713.736.238.640</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
- Hàng bán bị trả lại	-	-
	<b><u>148.557.786.905</u></b>	<b><u>713.736.238.640</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bao gồm:</b>		
- Giá vốn hàng hóa đã bán	8.239.035.614	88.053.874.604
- Giá vốn thành phẩm đã bán	109.581.095.944	489.007.042.501
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.395.175.534	-
	<b><u>122.215.307.092</u></b>	<b><u>577.060.917.105</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	24.393.450	84.498.552
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.293.634.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	676.147.711	741.301.137
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	383.679.267	1.272.262.259
Lãi thanh lý khoản đầu tư	13.869.360.409	-
	<b><u>29.247.214.837</u></b>	<b><u>2.098.061.948</u></b>

**22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	6.177.979.525	11.862.623.588
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.168.339	7.908.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	441.967.335	2.199.821.638
	<b><u>6.629.115.199</u></b>	<b><u>14.070.353.697</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	462.931.753	9.136.342.740
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	-	9.926.040
Chi phí bảo hành	-	8.072.211.138
Chi phí khấu hao	32.449.992	284.275.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.860.102	1.416.982.602
Chi phí khác bằng tiền	28.005.150	43.540.835
	<b><u>1.217.246.997</u></b>	<b><u>18.963.279.006</u></b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2023	2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	16.218.203.669	26.549.912.932
Chi phí dự phòng	2.611.986.835	8.778.261.057
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.460.120	477.522.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.802.163.581	2.569.771.804
Thuế, phí và lệ phí	230.248.993	2.051.816.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.372.399.335	7.675.584.998
Chi phí khác	6.477.383.418	15.134.099.536
	<b><u>32.729.845.951</u></b>	<b><u>63.236.969.001</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING**51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2023	2022
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>33.860.066.791</b>	<b>42.985.516.001</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(14.293.634.000)	(4.711.999.939)
(Lãi)/ lỗ từ các công ty liên kết	(7.941.441.252)	325.665.074
Chuyển lỗ năm trước	(9.587.243.913)	-
Cộng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	114.918.988	1.820.756.052
Chi phí lãi vay không được trừ	2.084.653.021	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>4.237.319.635</b>	<b>40.419.937.188</b>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.171.090.857	10.066.301.181
Thuế phải nộp theo quyết toán những năm trước	-	411.712.846
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.171.090.857</b>	<b>10.478.014.027</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.905.784.879	21.967.846.734
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.191.956.709)	(6.085.246.780)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.713.828.170	15.882.599.954
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.552.052	15.966.716
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.119</b>	<b>995</b>


**PHAN QUANG VINH**

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

**VÕ THỊ THANH TRÀ**

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING**

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**MẪU B 09-DN/HN****THÔNG TIN THÊM:****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẬP ĐOÀN NĂM 2023****NĂM 2023**

CHỈ TIÊU	HOLDING	HOÀNG TÂM	AC&R	BA HUÂN	RECOM	TVTК	LIÊN KẾT	TỔNG CỘNG
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN HN	31,508,324,519	4,010,413,840	(1,064,676,426)	(169,309,287)	(2,750,030,119)	(35,464,340)	-	31,499,258,187
2. Ảnh hưởng của Điều chỉnh HN:								
2.1 Phần TN từ Hưng Trí Cp	-	-	-	-	-	-	4,783,891,708	4,783,891,708
2.2 Phần TN từ Iwatani	-	-	-	-	-	-	359,845,976	359,845,976
2.3 Phần TN từ Inox Hoàng Tâm	-	-	-	-	-	-	2,797,703,568	2,797,703,568
2.4 Cổ tức từ Ba Huân	(720,995,746)	(80,110,639)	-	-	-	-	-	(801,106,385)
2.5 Cổ tức từ Hoàng Tâm	(2,384,011,210)	-	-	-	-	-	-	(2,384,011,210)
2.6 Cổ tức từ AC&R	(4,566,605,910)	-	-	-	-	-	-	(4,566,605,910)
3. Lợi nhuận sau điều chỉnh HN	23,836,711,653	3,930,303,201	(1,064,676,426)	(169,309,287)	(2,750,030,119)	(35,464,340)	7,941,441,252	31,688,975,934
4. Phân chia lợi nhuận:								
4.1 Công ty mẹ	23,836,711,653	2,269,991,871	(1,051,367,971)	(162,299,883)	(1,903,867,005)	(24,825,038)	7,941,441,252	30,905,784,879
4.2 Cổ đông không kiểm soát	-	1,660,311,330	(13,308,455)	(7,009,404)	(846,163,114)	(10,639,302)	-	783,191,055

**PHAN QUANG VINH**  
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 3 năm 2024



**YÕ THỊ THANH TRÁ**  
Tổng Giám đốc